

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HSST
Ngày 25/5/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Danh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Liêu
2. Bà Lê Thị Thận

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đàm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 05 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 20/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 03 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lưu Xuân T, sinh năm 1994 tại Bình Phước; Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Cha: Lưu Xuân T1, sinh năm 1965; Mẹ: Trần Thị T, sinh năm 1965; Bị cáo có 05 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1996, bị cáo là con thứ 4 trong gia đình; Tiền án: Không, Tiền sự: Ngày 15/7/2020 UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước ra Quyết định số 112A áp dụng biện pháp giáo dục tại xã đối với Lưu Xuân T về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09 tháng 01 năm 2021 cho đến nay (Có mặt).

Bị hại: Lý Văn T, sinh năm 1999 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lương Thị C, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Nguyễn Văn B, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

3. Trịnh Tiến D, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

4. Nguyễn Đình T, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố P, phường T, TP. Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 19/4/2020, Lưu Xuân T đến chơi tại nhà anh Lý Văn T, sinh năm 1999, hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Tại

đây Lưu Xuân T hỏi mượn xe mô tô của Lý Văn T để đi công việc và hứa một lúc sau trả thì anh Lý Văn T đồng ý rồi giao xe mô tô biển kiểm soát 93P-139.92 cho Lưu Xuân T (xe này do mẹ của Lý Văn T là bà Lương Thị C mua tại cửa hàng xe máy “T” thuộc A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước vào năm 2019 với giá 16.000.000đồng). Quá trình đi chơi, do thiếu tiền tiêu xài nên Lưu Xuân T điều khiển xe chạy đến tiệm “Q” địa chỉ tại tổ dân phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng do anh Nguyễn Văn B làm chủ để cầm với giá 10.000.000đồng. Khoảng thời gian tháng 5/2020 (không rõ ngày) sau khi tiêu xài hết số tiền đã cầm xe, T quay lại tiệm “Q” và thỏa thuận bán xe cho anh B với giá 12.000.000đồng, trừ số tiền cầm từ trước là 10.000.000đồng và 1.000.000đồng tiền lãi nên Lưu Xuân T chỉ nhận được thêm 1.000.000đồng, sau đó sử dụng hết vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Sau nhiều lần yêu cầu Lưu Xuân T trả xe nhưng không được nên ngày 25/6/2020 anh Lý Văn T làm đơn trình báo đến Công an xã Đ để giải quyết theo luật định. Công an xã Đ thụ lý giải quyết, thu hồi vật chứng là xe mô tô biển kiểm soát 93P-139.92 và giấy tờ liên quan, sau đó chuyển hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Bù Đăng thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 206/KL-ĐG ngày 23/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bù Đăng xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ - đen, biển kiểm soát 93P2-139.92, số máy: E3X9E120362, số khung: 3240HY048303 có giá 8.000.000đồng.

Vật chứng vụ án: Ngày 31/12/2020, Cơ quan CSĐT – Công an huyện Bù Đăng đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 61 trả lại xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ - đen, biển kiểm soát 93P2-139.92, số máy: E3X9E120362, số khung: 3240HY048303 cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Lương Thị C.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn B yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 12.000.000đồng.

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân đã truy tố bị cáo Lưu Xuân T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, vì vậy đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lưu Xuân T từ 09 đến 12 tháng tù. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn B yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 12.000.000đồng ngoài ra không tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Lưu Xuân T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng đã truy tố đối với bị cáo, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để khẳng định: Vào ngày 19 tháng 4 năm 2020, Lưu Xuân T mượn 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ - đen, biển kiểm soát 93P2-139.92 của anh Lý Văn T để đi công việc, sau đó do không có tiền tiêu xài nên đã cầm cố chiếc xe tại tiệm “Q” địa chỉ tại tổ dân phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng do anh Nguyễn Văn B làm chủ để cầm với giá 10.000.000đồng. Đến tháng 5/2020, Lưu Xuân T quay lại tiệm cầm đồ và thỏa thuận bán chiếc xe với giá 12.000.000đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Lưu Xuân T đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố hành vi của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét toàn bộ vụ án, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài không qua lao động chân chính nên bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của bị hại, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người bị hại, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm trọng xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Như vậy, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự, do đó cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi quyết định hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với việc anh Nguyễn Văn B yêu cầu bị cáo Lưu Xuân T trả lại số tiền 12.000.000đồng, bị cáo đồng ý nên cần ghi nhận.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lưu Xuân T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; Điều điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lưu Xuân T 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 01 năm 2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự, các Điều 584; 585; 590 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Lưu Xuân T phải trả lại cho anh Nguyễn Văn B số tiền 12.000.000đồng.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lưu Xuân T phải nộp 200.000đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 600.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND và CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Sở tư pháp và Công an tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Danh

